

Biểu mẫu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC HIỆP

Thực hiện thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Mầm non Phước Hiệp công khai các nội dung chăm sóc, giáo dục, đội ngũ, cơ sở vật chất và tài chính trong nhà trường năm học 2022 -2023

**CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON THỰC TẾ, CỦA TRƯỜNG
MẦM NON PHƯỚC HIỆP CUỐI NĂM HỌC 2022 -2023**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Chất lượng về nuôi dưỡng, chăm sóc: * Cân nặng: - Kênh Bình thường: 14/14 trẻ, tỉ lệ 100 %. * Chiều cao: - Kênh Bình thường: 22/22 trẻ, tỉ lệ 100% - 100% trẻ được cân, đo và được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ tăng trưởng. - Đảm bảo vệ sinh cá nhân trẻ và vệ sinh an toàn thực phẩm. - Thực hiện tốt chế độ dinh dưỡng, cung cấp đầy đủ 04 nhóm thực phẩm cho trẻ phù hợp với lứa tuổi, phù hợp theo mùa. - 100% trẻ được phát triển toàn diện cả thể chất và tinh thần.	Chất lượng về nuôi dưỡng, chăm sóc: - 100% trẻ được cân, đo và được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ tăng trưởng. * Cân nặng: - Kênh Bình thường: 322/330 trẻ, tỉ lệ 97,57%. - Kênh dư cân: 8/330 trẻ, tỉ lệ 2,42 %. - Kênh suy dinh dưỡng: 0/320 trẻ, tỉ lệ 0% * Chiều cao: - Kênh Bình thường: 330/330 trẻ, tỉ lệ 100 % - Đảm bảo vệ sinh cá nhân trẻ và vệ sinh an toàn thực phẩm. - Thực hiện tốt chế độ dinh dưỡng, cung cấp đầy đủ 04 nhóm thực phẩm cho trẻ phù hợp với lứa tuổi, phù hợp theo mùa. - 100% trẻ được phát triển toàn diện cả thể chất và tinh thần.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ giáo dục đào tạo ban hành theo thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình Giáo dục mầm non.	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các	I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT Giáo dục phát triển thể chất	I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT Giáo dục phát triển thể chất cuối năm học tổng số 311/316 trẻ đạt 98,41% còn lại

lĩnh vực phát triển	giai đoạn 2 tổng số 12/14 trẻ thực hiện được các vận động đi, chạy, bật và lăn bóng, lật sách đạt 85,71 % còn lại 2/14 trẻ chưa đạt tỷ lệ 14,28 %. II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC. Giáo dục phát triển nhận thức giai đoạn 1 tổng số 13 /14 trẻ đạt 86,3% còn lại 3/22 trẻ chưa đạt tỷ lệ 13,7 % trong đó: + 86,3% cháu nhận biết được màu sắc, đồ vật, hướng dẫn sức khỏe mùa dịch + 86,3% cháu nhận biết được cô và bạn III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ Giáo dục phát triển ngôn ngữ cuối năm học số 12/14 trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của cô đạt 85,7% còn lại 2/14 trẻ chưa đạt tỷ lệ 14,28 %. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ giai đoạn 1 tổng số 13/14 trẻ tích cực hát, vận động theo nhạc cùng cô đạt tỷ lệ 92,85% còn lại 1/14 trẻ chưa đạt tỷ lệ 7,14%.	5/316 trẻ chưa đạt tỷ lệ 1,58% trong đó . 1. Phát triển vận động. - 97% trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - 83% trẻ có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - 85% trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - 87% trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - 88% trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - 95% trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. - 95% trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt. 2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe. - 90% trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - 90% trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. - 93% trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. - 90% trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC. Giáo dục phát triển nhận thức cuối năm học tổng số 308/316 trẻ đạt 97,46% còn lại 8/316 trẻ chưa đạt tỷ lệ 2,53% trong đó”: 1. Khám phá khoa học. - 90 % trẻ biết ham hiểu biết, thích khám phá, tìm hiểu đặc điểm các sự vật, hiện tượng xung quanh. - 99% trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.
--------------------------------	--	---

- 95 % trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.

2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- 95 % trẻ nhận biết số đếm, số lượng
Nhận biết số đếm, số lượng.

- 90% trẻ sắp xếp theo qui tắc.

- 93 % trẻ biết so sánh hai đối tượng.

- 95% trẻ biết nhận biết hình dạng.

- 98% trẻ biết nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.

3. Khám phá xã hội.

- 90 % trẻ có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh

- 91% trẻ nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.

- 96% trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.

III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ.

Giáo dục phát triển ngôn ngữ cuối năm học tổng số 305/316 trẻ đạt 96,51% còn lại 11/316 trẻ chưa đạt tỷ lệ 3,48% trong đó”:

- 97% trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- 89% trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)

- 95% trẻ diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.

- 99% trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- 92% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- 92% trẻ có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

VI. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

Giáo dục phát triển tình cảm – xã hộicuối năm học có 308/316 trẻ đạt 97,46% còn lại 8/316 trẻ chưa đạt tỷ lệ 2,53% trong đó -

		95% trẻ có ý thức về bản thân. -97% trẻ nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh. - 98% trẻ mạnh dạn, tự tin, tự lực. - 94% trẻ thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường, lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. - 98% trẻ thực hiện hành vi và quy tắc ứng xử xã hội. - 90% trẻ quan tâm đến môi trường. V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ Giáo dục phát triển Thẩm mỹ cuối năm học tổng số 308/316 trẻ đạt 97,46% còn lại 8/316 trẻ chưa đạt tỷ lệ 2,53% trong đó”: - 95% trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật(âm nhạc, tạo hình). - 97% trẻ có kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (hát, vận động theo nhạc)và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình). - 90% trẻ thể hiện sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình) có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Chăm sóc vệ sinh: + Hướng dẫn phụ huynh cách cho bé vệ sinh cá nhân tại nhà: Lau mặt, rửa tay, vệ sinh khi vệ sinh. + Vệ sinh phòng học: Thông thoáng khí, vệ sinh nền nhà, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, trang trí môi trường chuẩn bị đón trẻ đến trường. + Vệ sinh môi trường: Vệ sinh trong lớp, các phòng chức năng và xung quanh trường. - Theo dõi thể lực, sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng 1 lần/1 quý. - Trong học kỳ I không có tai nạn, cháy nổ xảy ra tại trường. - Thường xuyên tuyên truyền đến phụ huynh và trẻ cách phòng và xử lý các bệnh dịch trong mùa dịch. - Chế độ sinh hoạt: tuyên truyền đến phụ huynh cách thực hiện đúng chế độ sinh hoạt đối với từng lứa tuổi của trẻ theo thời gian biểu tại nhà. - Chế độ dinh dưỡng: + Tuyên truyền đến phụ huynh đảm bảo chế độ ăn phù hợp với từng lứa tuổi của trẻ tại nhà. + Tuyên truyền đến phụ huynh đảm bảo đủ chất dinh dưỡng đạm, béo,

đường, muối khoáng, sinh tố tại nhà.

+ Tuyên truyền đến phụ huynh hàng ngày cho trẻ uống đủ nước, nhất là vào mùa hè tại nhà.

+ Tuyên truyền đến phụ huynh đảm bảo ăn uống vệ sinh sạch sẽ tại nhà.

- Tổ chức chuyên đề An toàn giao thông

- Chuyên đề tình cảm – kỹ năng xã hội

- Chuyên đề vui chơi trong và ngoài lớp

- Chuyên đề làm quen chữ viết.

Củ Chi, ngày 26 tháng 5 năm 2023



Lê Ngọc Hịa